

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **75/2021/HSST**

Ngày: 17/6/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Nam Tiến

Bà Trần Thị Ngọc Linh

*Thư ký phiên tòa:* Ông Văn Hồng Lễ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

*Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:* Ông Trương Vĩnh Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2021/HSST, ngày 11/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HS, ngày 02/6/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê A**; Giới tính: Nam; sinh năm 2000, tại tỉnh Bình Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Cha: Lê S; sinh năm 1967; mẹ: Nguyễn H, Sinh năm: 1963; Anh, chị, em ruột: có 02 người; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại tại thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận và có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:* Trần Ngọc K, sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn 03, xã R, huyện L, tỉnh Bình Thuận; (vắng mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Ngọc L, sinh năm 1990; Địa chỉ: thôn 03, xã R, huyện L, tỉnh Bình Thuận; (vắng mặt);

2/ Thông C, sinh năm 2000; Địa chỉ: thôn 02, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận; (có đơn xin xét xử vắng mặt);

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 50 phút ngày 26.01.2021 Lê A điều khiển xe mô tô đến nhà của Thông C mục đích để ngủ nhờ. Khi đến nhà thấy cửa cổng đã đóng A nghĩ cửa cổng đã đóng khóa nên dựng xe mô tô trước cổng rồi leo qua tường rào vào sân nhà của C. Thấy gia đình của C đã đóng cửa ngủ, A đến phòng gọi C nhưng không được nên nằm nghỉ bên hiên nhà trước phòng ngủ của C. Khoảng 10 phút sau A phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exiter 150 màu xám, cam, đen, biển số 86B7-410.27 của Trần Ngọc K (xe K mượn của Trần Ngọc L) dựng bên hiên nhà và chìa khóa xe mô tô để trên bàn uống trà cạnh chiếc xe mô tô nên nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài và trả nợ. A liền lấy chìa khóa xe mô tô và dắt xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exiter 150 ra ngoài mở cổng nổ máy chạy đến khu vực ruộng vắng người thuộc thôn 02, xã P cất giấu rồi đi bộ quay lại nhà C lấy xe mô tô của A chạy về nhà. Sau đó A đi bộ đến nơi cất giấu xe mô tô trộm cắp điều khiển đến khu vực núi, vắng vẻ, ít người qua lại, có nhiều cây cối thuộc thôn 2, xã P, huyện T cất giấu rồi đi bộ về lại nhà.

Sáng ngày 27.01.2021 C có nhờ A đi tìm giúp xe mô tô đã bị mất tại nhà của C, A giả vờ không biết gì và cũng không muốn tiêu thụ xe mô tô mà A đã trộm cắp nên A sử dụng tài khoản facebook cũ không còn sử dụng nhấn tin vào tài khoản facebook của A đang sử dụng với nội dung “6.000.000 nhận xe, cổng chùa Th” rồi đưa nội dung tin nhắn này cho C xem để C tin tưởng có người đã trộm xe mô tô tại nhà của C và đòi tiền chuộc xe, C tin tưởng và nghĩ xe bị mất tại nhà của mình nên C tự nguyện đưa cho A 6.000.000 đồng để chuộc xe, sau đó A nhấn tin cho C đến địa điểm A cất giấu xe mô tô để C lấy xe mô tô về, sau đó C giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong xử lý theo quy định pháp luật.

Sau khi nhận được tiền A tiêu xài hết 2.200.000 đồng, Công an huyện Tuy Phong nghi ngờ Lê A đã trộm cắp xe mô tô của Trần Ngọc K nên mời A làm việc, A đã khai nhận toàn bộ hành động trộm cắp xe mô tô và tự nguyện giao nộp số tiền còn lại là 3.800.000 đồng.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 03.3.2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Tuy Phong, kết luận:

- Xe mô tô 02 bánh hiệu Yamaha, loại Exiter 150 màu xám, cam, đen, với dung tích 149, biển số 86B7-410.27 trị giá:

$45.500.000 \text{ đồng/chiếc} \times 70\% = 31.850.000 \text{ đồng.}$

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 160/QĐ/KSĐT/VKS/HS, ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i., s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê A từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đề nghị trả lại cho bị cáo A số tiền 3.800.000 đồng thu giữ của bị cáo tại biên lai thu tiền số 0002591 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Lời nói sau cùng: Bị cáo A xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra – Công an huyện Tuy Phong, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội bị cáo: tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong đã truy tố. Bị cáo khẳng định những lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra là hoàn toàn tự nguyện đúng sự thật, bị cáo không bị bức cung và Cáo trạng truy tố là đúng, không oan cho bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án Trộm cắp tài sản, xảy ra vào lúc 24 giờ ngày 26/11/2021 tại thôn 02, xã P, huyện Tuy Phong. Do Lê A đã lén trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha, loại Exiter 150 màu xám, cam, đen, biển số 86B7 – 410.27 do Trần Ngọc K đang quản lý trị giá 31.850.000 đồng, sau đó An yêu cầu Thông C chuộc lại xe mô tô với giá 6.000.000 đồng để lấy tiền trả nợ và tiêu xài thì bị phát hiện.

Hành vi đó của bị cáo Lê A đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài và trả nợ, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội nêu trên của Lê A đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm minh.

Với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo trên cơ sở cân nhắc các tình tiết của vụ án xét thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, công dân có ích cho xã hội, đồng thời qua đó nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường đầy đủ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cũng cần xem xét nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[4] Về hình phạt: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê A từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Sau khi xem xét, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thấy rằng mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khi luận tội là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong đã trao trả 01 chiếc xe mô tô hai bánh hiệu Yamaha, loại Exiter 150 màu xám, cam, đen, biển số 86B7 – 410.27 cho chủ sở hữu là phù hợp nên không xem xét xử lý.

Xét thấy bị cáo đã tự nguyện trả lại cho Thông C 6.000.000 đồng tiền chuộc lại tài sản do đó đối với số tiền 3.800.000 đồng của bị cáo tự nguyện giao nộp cần trả lại cho bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Tuyên bố bị cáo Lê A phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê A **09 (Chín)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Lê A số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002591 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải nộp **200.000** đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

**Lâm Thị Mỹ Kỳ**